

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG NINH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HSST

Ngày: 30 - 5 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhân,

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Hành và ông Văn Anh Trình;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Quyền, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H, tên gọi khác: “Hù Gà”; sinh ngày 12 tháng 11 năm 1983 tại H, Q Ninh, Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn H và bà Trương Thị H; có vợ Đỗ Thị T, có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-01-2022 đến ngày 06-4-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt.

2. Trần Văn K, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1986 tại H, Q, Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Bình và bà Lê Thị H; có vợ Hoàng Thị L, có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh 2018; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 26 tháng 8 năm 2020, bị Công an huyện Quảng Ninh xử phạt hành chính phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; nộp phạt ngày 08 tháng 7 năm 2021. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Trần Văn H1, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1986 tại H, Q, Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện Q, Quảng Bình; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn H và bà Trương Thị H; có vợ Phạm Thị Y, có 02

con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Trương Quảng P, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1997 tại H, Q, Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Trọng B và bà Trần Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-01-2022 đến ngày 29-3-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt.

5. Trần Văn H2, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1980 tại H, Q, Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần B và bà Lê Thị H; có vợ Lê Thị H, có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Trần Phương N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 1992 tại H, Q, Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Minh Đ và bà Khổng Thị X; có vợ Trần Thị T, có 02, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-01-2022 đến ngày 29-3-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt.

Về nhân thân: Ngày 27 tháng 9 năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Ngày 08 tháng 8 năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 10 tháng 4 năm 2016, bị Công an huyện Quảng Ninh xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 01 tháng 5 năm 2016, bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 16 tháng 02 năm 2017, bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy

- *Bị hại*: Công ty TNHH Xây dựng T, địa chỉ: Xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cao T, chức vụ: Giám đốc.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc T, chức vụ: Kỹ thuật; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; nghề nghiệp: Buôn bán; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991; nghề nghiệp: Buôn bán; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Ông Trần B, sinh năm 1956; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn S, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

2. Ông Võ Văn T, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 00 ngày 19 tháng 10 năm 2021, Trần Văn H, Trần Văn K, Trần Văn H1, Trương Quảng P cùng ở thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình ngồi chơi tại nhà của Trần Văn H thì cùng rủ nhau lấy trộm các tấm khuôn đúc bê tông bằng sắt của Công ty TNHH XD T đang thi công đường tránh lũ thôn Đ gửi tại nhà ông T - bà L. H, K, H, P đến lấy trộm 04 (bốn) tấm khuôn đúc bê tông bằng sắt mang ra bãi cát phía sau nhà H. Sau khi lấy trộm tài sản xong, K lấy điện thoại gọi cho Trần Văn H2 và Trần Phương N cùng ở thôn Đ, xã H chạy thuyền cole đến bãi cát sau nhà H để chở tài sản vừa lấy trộm được mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Một lúc sau, H2 và N chạy thuyền cole đến bãi cát phía sau nhà H, cả sáu người khiêng 04 (bốn) tấm khuôn đúc bê tông bằng sắt lên thuyền cole và cùng nhau chở lên bờ kè xã X để bán. Khi đến bờ kè xã X, Trần Văn K gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị T ở thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình là người thu mua phế liệu để bán 04 (bốn) tấm khuôn đúc bê tông bằng sắt trên với giá 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng), sau đó cả sáu bị cáo chia tiền cho nhau và cùng lên thuyền cole đi về nhà. Chị Nguyễn Thị T sau khi thu mua 4 (bốn) tấm khuôn đúc bê tông bằng sắt từ các bị cáo đã bán cho chị Nguyễn Thị Đ ở thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 18-01-2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quảng Ninh đã định giá và kết luận giá trị 04 (bốn) tấm ván khuôn bằng sắt dùng đổ bê tông mà Trần Văn H, Trần Văn H, Trần Văn K và Trương Quảng P trộm cắp được của Công ty TNHH XD Tấn Minh có giá trị là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về vật chứng: Ngày 29/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh tạm giữ từ chị Nguyễn Thị Đảm: 04 (bốn) tấm ván khuôn bằng sắt dùng đổ bê tông, kích thước (0,7 x 2,5)m, nặng 50kg.

Ngày 19/02/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh tạm giữ từ ông Trần B ở thôn Đ, xã H, huyện Q 01(một) thuyền cole có vỏ bằng nhôm, dài 10,5 m, hai đầu thuyền có mũi nhọn, chiều rộng nhất ở giữa thuyền 1,8m, thuyền không có số hiệu, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Ngọc T là đại diện hợp pháp của bị hại Công ty TNHHXD T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì

thêm. Chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Đ không có yêu cầu về việc bồi thường dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản Cáo trạng số 14/THQCT-KSĐT-KT, ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Trần Văn H, Trần Văn H1, Trần Văn K và Trương Quảng P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Văn H2, Trần Phương N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H 18 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H1 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Quảng P từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H2, Trần Văn K mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Phương N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh đã trả lại vật chứng cho chủ sở hữu ông Trần B và Công ty TNHH XD T nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty TNHH XD T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì; chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét. Trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho các bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, lời luận tội, hình phạt và mức án đề nghị của Kiểm sát viên. Hối hận về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xem xét cho các bị cáo có cơ hội cải tạo tại địa phương để giúp đỡ vợ con, gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; phù hợp về thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến của vụ án. Các bị cáo Trần Văn H, Trần Văn H1, Trần Văn K và Trương Quảng P đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở, thiếu quản lý tài sản của chủ sở hữu để lén lút trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân với tài sản là 04 (bốn) tấm ván khuôn bằng sắt dùng đổ bê tông tổng trị giá 5.000.000 (năm triệu đồng). Sau khi trộm được tài sản, K lấy điện thoại gọi cho Trần Văn H2 và Trần Phương N chạy thuyền cole đến chở tài sản đi tiêu thụ. Các Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây lo lắng, hoang mang cho nhân dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Như vậy có đủ cơ sở kết luận, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của các bị cáo Trần Văn H, Trần Văn H1, Trần Văn K và Trương Quảng P đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hành vi biết tài sản do trộm cắp mà có nhưng Trần Văn H2 và Trần Phương N vẫn chở đi bán cho người khác đã đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo là người có sức khỏe, có nhận thức nhưng không chịu khó làm ăn, thích ăn chơi, hưởng thụ trên mồ hôi, công sức của người khác. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, tương ứng với tính chất vụ án, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo về tội danh, khung hình phạt như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51; bị cáo Trần Văn K, Trần Văn H1, Trương Quảng P, Trần Văn H2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51

của Bộ luật hình sự; bị cáo Trương Quảng P có công giúp người dân trong trận lũ lịch sử năm 2020 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo cùng rủ nhau thực hiện hành vi phạm tội, không có chuẩn bị, sự bàn bạc, phân công cụ thể nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương đương nhau.

Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn H1, Trần Văn K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đang bị truy tố trong vụ án khác, Trần Văn K bị xử phạt vi phạm hành chính chưa hết thời hiệu thi hành, Trần Phương N có nhân thân rất xấu nhiều lần bị Tòa án xử phạt bằng hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản; bị Công an xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật do đó cần xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

Từ những phân tích trên, xét thấy Trần Văn H, Trương Quảng P, Trần Văn H2 chưa cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mà cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục là đủ tác dụng giáo dục, răn đe. Đối với bị cáo Trần Văn H1, Trần Văn K, Trần Phương N cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có chị Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Đ là những người mua lại các tài sản do các bị cáo trộm cắp. Nhưng những người này không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty TNHH XD T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử miễn xét. Số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do các bị cáo tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra nhưng bị hại Công ty TNHH XD T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì; chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên cần trả lại cho các bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Ngày 04/3/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh đã ra Quyết định xử lý vật chứng: Trả lại 01(một) thuyền cole có vỏ bằng nhôm đã qua sử dụng cho ông Trần B là chủ sở hữu.

Ngày 07/3/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại 04 (bốn) tấm ván khuôn bằng sắt dùng đổ bê tông cho ông Nguyễn Ngọc T người đại diện theo ủy quyền cho Công ty TNHH XD T là chủ sở hữu đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn H, Trần

Văn H1, Trần Văn K, Trương Quảng P, Trần Văn H2, Trần Phương N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 2 Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, khoản 1 Điều 298; khoản 1, 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 322, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### *1. Về tội danh và hình phạt:*

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H, Trần Văn H1, Trần Văn K, Trương Quảng P phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Trần Văn H2, Trần Phương N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 02 (hai) tháng 07 (bảy) ngày (được quy đổi từ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-01-2022 đến ngày 06-4-2022). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn K 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Quảng P 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 02 (hai) tháng (quy đổi từ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-01-2022 đến ngày 29-03-2022). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H2 12 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 02 (hai) tháng (quy đổi từ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-01-2022 đến ngày 29-3-2022). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Phương N 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ tạm giam 02 (hai) tháng từ ngày 29-01-2022 đến ngày 29-3-2022.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Trả lại cho các bị cáo Trần Văn H, Trần Văn H1, Trần Văn K, Trương Quảng P, Trần Văn H2, Trần Phương N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo phần, mỗi bị cáo được nhận 1.666.600 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), theo biên bản giao nhận tài sản ngày 15 tháng 3 năm 2022 và ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa Kho bạc Nhà nước huyện Quảng Ninh và Công an huyện Quảng Ninh.

3. *Về xử lý vật chứng vụ án:* Không xem xét.

4. *Án phí sơ thẩm:* Buộc các bị cáo Trần Văn H, Trần Văn H1, Trần Văn K, Trương Quảng P, Trần Văn H2, Trần Phương N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Những người TGTĐ khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Nhàn**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

